TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2019
V/v Tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Tiến Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Toản.

Bà Nguyễn Thị Thiên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2018/TLST - HNGĐ ngày 15-10-2018 về việc: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-12-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị *Giàng Thị M*, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Thôn 2, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Anh *Thào A L*, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn 2, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 15-10-2018; Biên bản lấy lời khai; các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Giàng Thị M trình bày:

Chị Giàng Thị M và anh Thào A L về chung sống tự nguyện với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L

có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập chị M. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống riêng của ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Thào A L.

Về con chung: Chị Giàng Thị M và anh Thào A L có 04 con chung:

+ Cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006.

+ Cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008.

+ Cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012.

+ Cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015.

Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng chị M có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006 và cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008 để anh L nuôi hai con chung là cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012 và cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị M đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-12-2018 anh Thào A L trình bày: Vào khoảng năm 2005 anh và chị Giàng Thị M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và bị chị M bắt quả tang. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và anh đã xin lỗi chị M nhưng chị M không đồng ý. Nay chị M cương quyết đề nghị Tòa án Tuyên bố không công nhận là vợ chồng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Giàng Thị M và anh Thào A L có 04 con chung:

+ Cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006.

+ Cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008.

+ Cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012.

+ Cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015.

Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng anh L có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chung anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thào A L đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 147, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Giàng Thị M

+ Giao 02 con chung là Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006 và Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008 cho chị Giàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao 02 con chung Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012 và Thào A P, sinh ngày 21-7-2015 cho anh Thào A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chi M, anh L có quyền thăm nom đối với con chung không ai được cản trở

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không không xem xét.

+ Về án phí: Chị Giàng Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Thào A L không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng dân sự:

Chị Giàng Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Thào A L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Do anh Thào A L có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Giàng Thị M và anh Thào A L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, được hai bên gia đình công nhận, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đến nay cũng không khắc phục được. Chị M và anh L có đủ điều kiện để kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống được với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy: Do chị M đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L. Mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống và anh chị không đăng ký kết hôn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh L là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Chị Giàng Thị M và anh Thào A L có 04 con chung:

+ Cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006.

+ Cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008.

+ Cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012.

+ Cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tại phiên tòa chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006 và cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008 để anh L nuôi 02 con chung là cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012 và cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015. (Cháu X, cháu V có nguyện vọng ở với mẹ). Tại biên bản lấy lời khai anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 04 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh L có 04 người con (hai con có nguyện vọng ở với mẹ). Do vậy cần giao 02 con chung là cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006 và cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008 cho chị Giàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và giao 02 con chung là cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012 và cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015 cho anh Thào A L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4]. ***Về việc cấp dưỡng nuôi con:***

Chị Giàng Thị M và anh Thào A L đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. ***Về tài sản chung và nợ chung:***

Chị Giàng Thị M và anh Thào A L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. ***Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:***

Chị Giàng Thị M phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Thào A L không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. **Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Giàng Thị M và anh Thào A L là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Thào Thị X, sinh ngày 26-10-2006 và cháu Thào Púa V, sinh ngày 28-10-2008 cho chị Giàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi và giao 02 con chung là cháu Thào Văn Đ, sinh ngày 22-9-2012 và cháu Thào A P, sinh ngày 21-7-2015 cho anh Thào A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Giàng Thị M, anh Thào A L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Giàng Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001144 ngày 15-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Thào A L không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Giàng Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Thào A L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Hẩu.
- Lưu HS; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tiến Phúc